TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Bản án số: **40**/2018/HS-ST
- Ngày: 22.8.2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài;**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà: **Nguyễn Thị Thùy Trang**

+ Bà **Võ Ngọc Phương**

* *Thư ký phiên tòa:* ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* ông **Ngô Thành Khánh E** kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/HSST-QĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Thái A, sinh ngày 11/12/1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố K, Phường M, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Trình độ học vấn: 09/12. Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị Bích Ng, sinh năm 1968. Bị cáo là con út trong gia đình. Vợ: Hồ Ngọc Thanh L, sinh năm 1997, có 01 con sinh năm 2018. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/3/2018. Bị cáo bị tạm giam ngày 25/3/2018 và có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Nguyễn Thanh B, sinh ngày 18/12/1984, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố L, Phường M, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Trình độ học vấn: 08/12. Con ông Mai Xuân N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957. Bị cáo là con út trong gia đình, chưa có vợ, con. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/3/2018. Bị cáo bị tạm giam ngày 25/3/2018 và có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Lê Thanh C, sinh ngày 22/12/1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Đường H, Phường M1, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Bảo vệ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Lê Văn H1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1966. Bị cáo là con lớn trong gia đình. Vợ: Trần Thị Ngọc A1, sinh năm 1985, có 01 người con sinh năm 2010. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Ngày 11/5/2018, bị tạm giữ về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đến ngày 20/5/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X khởi tố bị can và tạm giam về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Ngày 25/5/2018, thay thế biện pháp tạm giam cho gia đình bảo lĩnh để bị can chữa bệnh cho đến nay.

* <u>*Người bị hại*</u>: **Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1962** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện X, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/3/2018, Nguyễn Thanh B điều khiển xe mô tô Winner biển số 59G2-278.00 chở Nguyễn Thái A chạy hướng từ thành phố X2 về huyện X tìm tài sản để trộm. Khi chạy ngang quán hải sản V, A phát hiện xe SH của anh Nguyễn Ngọc D đang dựng trước quán, còn cắm chìa khóa trên xe nên các bị cáo nảy sinh ý định trộm. A và B đi vào quán, chọn bàn ngồi gần chiếc xe SH để tìm cơ hội trộm. A giả vờ mua 01 hộp cơm chiên và kêu B quay đầu xe Winner chờ sẵn, lợi dụng nhân viên quán không cảnh giác, A lấy xe SH trên. Sau khi lấy được xe, cả hai chạy về hướng Mỹ Tho, ghé nhà Bùi Thanh E lấy quần áo để về thành phố Hồ Chí Minh. Khi về nhà E, A chụp hình xe SH và chủ động liên lạc qua Zalo cho Lê Thanh C để bán xe, C biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 46.000.000 đồng.

Khi về tới ngã tư U thuộc Quận N, Tp. Hồ Chí Minh, B về nhà còn A chạy xe SH lấy trộm đến công viên S, Phường M1, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh, giao cho C và nhận tiền. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, A điện thoại kêu B qua chơi và đưa cho B 4.000.000 đồng, số tiền còn lại A mua ma túy đá sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Tại kết luận định giá tài sản số 22/BKLĐGTS ngày 19/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X kết luận: xe môtô nhãn hiệu Honda SH150i, biển số 63T1-2834, số máy: KF08E5000624KTGF1, số khung RLHF1108AY000651, màu sơn nâu đen xám có giá trị 85.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSCG ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thái A, Nguyễn Thanh B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Thanh C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện X giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thái A, Nguyễn Thanh B phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Thanh C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thái A mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thanh B mức án từ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh C bằng hình phạt phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Và đề nghị xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo A số tiền 3.250.000 đồng.

- Chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố X2 01 iPad mini 4 vỏ màu đỏ Model AI538 số seri D2X5345TGHKF; 01 chiếc điện thoại hiệu iPhone 7 Plus 126GB, vỏ màu đen đã thu giữ của bị cáo B để phục vụ công tác điều tra trong các vụ trộm mà bị cáo B tham gia thực hiện cùng một số đối tượng khác tại địa bàn Thành phố X2, Thành phố Tân An thời gian qua để xử lý theo thẩm quyền.

- Trả lại bị cáo A 01 giấy chứng minh nhân dân số 079093002997 mang tên Nguyễn Thái A;

- Trả lại bị cáo B 01 giấy chứng minh nhân dân số 023558528 mang tên Nguyễn Thanh B;

- Trả lại bị cáo C 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lê Thanh C

- Tịch thu sung công quỹ 01 xe mô tô hai bánh loại xe WINNER nhãn hiệu Honda biển kiểm soát số 59G2-278.00, số khung 2608GY231422, số máy KC26E1106450, màu xanh-đỏ-đen cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59G2-278.00 mang tên Nguyễn Thanh B; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 5 màu đen, trắng số imel 990002783270125 của bị cáo A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng của bị cáo C;

Bị cáo A, B, C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như về hình phạt, các bị cáo có lời nói sau cùng, các bị cáo biết mình có hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về phụ giúp gia đình, trở thành người có ích cho xã hội để làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời trình bày của bị cáo, người làm chứng, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp**.**

[2] Về hành vi phạm tội**:** Tại phiên tòa, bị cáo A, bị cáo B cùng khai nhận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo A, bị cáo B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Khoảng 14 giờ ngày 14/3/2018, B điều khiển xe mô tô Winner biển số 59G2-278.00 chở A chạy hướng từ thành phố X2 về huyện X tìm tài sản trộm cắp. Khi chạy ngang quán hải sản V, A phát hiện xe SH của anh D đang dựng trước quán, còn cắm chìa khóa trên xe nên các bị cáo nảy sinh ý định trộm. A và B đi vào quán, chọn bàn ngồi gần chiếc xe SH để tìm cơ hội trộm. A giả vờ mua 01 hộp cơm chiên và kêu B quay đầu xe Winner chờ sẵn, lợi dụng nhân viên quán không cảnh giác, A lén lút lấy xe SH trên. Sau khi lấy được xe, cả hai chạy về thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, A chụp hình xe SH và chủ động liên lạc qua Zalo cho Lê Thanh C để bán xe, C biết xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 46.000.000 đồng. Khi về tới ngã tư U thuộc Quận N, thành phố Hồ Chí Minh, B về nhà còn A chạy xe SH lấy trộm đến công viên S giao cho C và nhận tiền. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, A điện thoại kêu B qua chơi và đưa cho B 4.000.000 đồng, số tiền còn lại A mua ma túy đá sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo C thừa nhận: ngày 14/3/2018, bị cáo có mua của bị cáo A 01 xe môtô SH biển số 63T1– 2834 của anh Nguyễn Ngọc D đứng tên, bị cáo biết rõ xe này do bị cáo A trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn mua với số tiền 46.000.000 đồng, bị cáo đã nhận xe và giao đủ tiền cho bị cáo A sau đó bán lại cho một người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 60.000.000 đồng.

Các bị cáo A, B, C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó hành vi của bị cáo A, bị cáo B đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như nội dung Cáo trạng số 39/CT-VKSCG ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[3] Vai trò đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo A, B là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất

trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng các bị cáo không tự lao động để tạo ra tài sản mà tìm trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Các bị cáo A, B lợi dụng sự sơ hở của anh D nên đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 63T1–2834 đi bán cho bị cáo C để lấy tiền tiêu xài cá nhân, làm thiệt hại về tài sản của anh D, qua định giá xe SH trị giá 85.600.000 đồng. Bị cáo C biết rõ xe này do bị cáo A trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn mua với số tiền 46.000.000 đồng.

Xét thấy, vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Trong đó, bị cáo A là người chủ động rủ rê bị cáo B tìm tài sản để trộm cắp, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm xe và chủ động liên hệ bán tài sản trộm được và hưởng số tiền bán được tài sản nhiều hơn bị cáo B. Bị cáo B sau khi được rủ rê đã đồng ý cùng thực hiện và là người giúp sức, dùng xe mô tô do bị cáo đứng tên làm phương tiện chở bị cáo A đi tìm tài sản trộm, cảnh giới để bị cáo A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và nhận tiền từ việc bán tài sản trộm cắp do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với vai trò của mình và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời phòng ngừa chung cho mọi người.

Đối với bị cáo C tuy không hứa hẹn trước nhưng khi bị cáo A rao bán xe qua zalo, bị cáo biết xe do trộm mà có được. Lẽ ra, là công dân có trách nhiệm khi phát hiện xe do trộm mà có, bị cáo phải động viên A mang xe trả lại cho chủ sở hữu hoặc trình báo với chính quyền địa phương để xử lý, góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Ở đây, chỉ vì lòng tham, ham mua tài sản với giá rẻ nên khi nghe A nói vừa trộm được xe và kêu bán, bị cáo đồng ý mua với giá 46.000.000 đồng, bị cáo mua xong đã bán lại cho người khác giá 60.000.000 đồng để thu lợi. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, trong thời gian điều tra, bị cáo bị tạm giữ để phục vụ điều tra từ ngày 11/5/2018 nhưng do bị cáo bị bệnh viêm dạ dày, tiêu chảy, nhiễm trùng, tăng huyết áp phải nhập viện và điều trị tại Khoa nội Trung tâm y tế huyện X từ ngày 17/5/2018 đến ngày 25/5/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện X ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lĩnh để bị cáo thuận tiện việc điều trị. Tại phiên tòa, bị cáo có cung cấp sổ khám bệnh tại Bệnh viện S1, Tp.Hồ Chí Minh và toa thuốc ngày 16/8/2018 thể hiện bị cáo còn đang điều trị bệnh trào ngược dạ dày, thực quản, viêm dạ dày và tá tràng, hội chứng ruột kích thích, có tiêu chảy. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại xong, người bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo được tại ngoại để có thời gian điều trị bệnh. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội để bị cáo được tại ngoại thuận tiện việc chữa bệnh và chấp thuận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa cho mọi người.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân:

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo A, B, C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không quanh co chối tội, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm

nhẹ quy định tại điểm b, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo C còn được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Về nhân thân: Bị cáo A, C, bị cáo B có nhân thân tốt. Riêng bị cáo A vào năm 2014, bị cáo khai bị Công an Phường M, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã đóng phạt xong năm 2014. Trên cơ sở lời khai của bị cáo, cơ quan điều tra đã tiến hành liên hệ xác minh, trích lục hồ sơ xử phạt nhưng do di dời trụ sở Công an Phường M, luân chuyển cán bộ nên công tác lưu trữ, bàn giao hồ sơ xử phạt đã bị thất lạc nên không thu thập được quyết định xử phạt cũng như chứng từ thể hiện bị cáo đã nộp phạt xong nhưng có xác nhận của Công an Phường M. Hơn nữa tính đến nay, bị cáo cũng được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử chấp thuận bị cáo A không có tiền sự. Song, tại phiên tòa, bị cáo B và bị cáo A xin Hội đồng xét xử cứu xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ để bị cáo sớm về phụ giúp gia đình, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo A là lao động chính trong gia đình trong khi con của bị cáo còn quá nhỏ (05 tháng tuổi), các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên khi lượng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều 173 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo B và A.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*..", do đó, các bị cáo A và B có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, các bị cáo hiện đang bị tạm giam. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra, người hại Nguyễn Ngọc D yêu cầu các bị cáo C bồi thường số tiền 90.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường xong. Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp bồi thường thiệt hại sẽ giải quyết ở vụ kiện dân sự khác.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo C yêu cầu bị cáo A và B hoàn trả cho bị cáo C 46.000.000 đồng, các bị cáo đã thực hiện xong. Tại phiên tòa, các bị cáo không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59G2 - 278.00 mang tên Nguyễn Thanh B; 01 xe mô tô hai bánh loại xe WINNER nhãn hiệu Honda biển kiểm soát số 59G2-278.00, số khung 2608GY231422, số máy

KC26E1106450, màu xanh-đỏ-đen do bị cáo B đứng tên, đây là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để đi trộm tài sản nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

Đối 01 điện thoại di động hiệu iPhone 5 màu đen, trắng số imel 990002783270125 của bị cáo A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng của bị cáo C, là công cụ các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán xe với nhau, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 iPad mini 4 vỏ màu đỏ Model AI538 số seri 2X5345TGHKF và 01 chiếc điện thoại hiệu iPhone 7 Plus 126GB, vỏ màu đen thu giữ của bị cáo B. Tại phiên tòa, bị cáo B trình bày các tài sản này bị cáo dùng để liên lạc với bị cáo A để đi chơi và sau đó thực hiện các vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố X2 mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố X2 đang điều tra do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, chuyển tài sản này đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố X2 để phục vụ điều tra và xử lý theo thẩm quyền.

Đối với số tiền 3.250.000 đồng thu giữ của bị cáo A, là tiền cá nhân của bị cáo nên đồng ý trả lại cho bị cáo.

Đối giấy chứng minh nhân dân số 079093002997 mang tên Nguyễn Thái A, giấy chứng minh nhân dân số 023558528 mang tên Nguyễn Thanh B; thẻ căn cước công dân mang tên Lê Thanh C là giấy tờ tùy thân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về tội danh, mức hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị đối với từng bị cáo là tương xứng với hành vi, vai trò, nhân thân thân của từng bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc khi nghị án.

+ Về xử lý vật chứng, Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về tình tiết khác: Ngoài vụ trộm xe SH trên địa bàn huyện X, quá trình điều tra lấy lời khai thu thập chứng cứ các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội 01 vụ trộm xe mô tô trên địa bàn thành phố Tân An, tỉnh B An, 11 vụ trộm xe mô tô trên địa bàn thành phố X2, tỉnh Tiền Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã có công văn trao đổi, bàn giao vật chứng có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X2 để điều tra và giải quyết theo quy định.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người bị hại tính từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thái A, Nguyễn Thanh B phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Thanh C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

2/ Về Điều luật áp dụng và hình phạt

- Áp dụng khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi và bổ sung năm 2017.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 15/3/2018.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 35; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Xử phạt bị cáo Lê Thanh C 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*)

Bị cáo có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thái A số tiền 3.250.000 đồng.

- Chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố X2 01 iPad mini 4 vỏ màu đỏ Model AI538 số seri D2X5345TGHKF và 01 điện thoại hiệu iPhone 7 Plus 126GB, vỏ màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh B để phục vụ điều tra và xử lý theo thẩm quyền.

- Tịch thu sung công quỹ xe mô tô hai bánh loại xe WINNER nhãn hiệu Honda biển kiểm soát số 59G2-278.00, số khung 2608GY231422, số máy KC26E1106450, màu xanh-đỏ- đen và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59G2 - 278.00 mang tên Nguyễn Thanh B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 5 màu đen, trắng số imel 990002783270125 của bị cáo A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng của bị cáo C.

- Trả lại cho bị cáo A giấy chứng minh nhân dân số 079093002997 mang tên Nguyễn Thái A;

- Trả lại cho bị cáo B giấy chứng minh nhân dân số 023558528 mang tên Nguyễn Thanh B;

- Trả lại cho bị cáo C thẻ căn cước công dân mang tên Lê Thanh C.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKSCG ngày 13/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện X và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thái A, Nguyễn Thanh B và Lê Thanh C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người bị hại Nguyễn Ngọc D tính từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Bị cáo, đương sự
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài